TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2023/QĐST-HNGĐ	*NT, ngày 24 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NT, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "Thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Trọng T**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: phường An B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Tam Ph, Biên Hòa, Đồng Nai.

- Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: phường An B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: xã Phước Th, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Lê Trọng T và bà Hoàng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1985, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 597 ngày 03/01/1985 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà H có 04 con chung là cháu Lê Hoàng Hồng H – sinh năm 1987, Lê Hoàng Thu H – sinh năm 1991, Lê Hoàng Phương Ng – sinh năm 1996 và Lê Hoàng Ph – sinh năm 2004. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông T và bà H thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện NT đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với ông Lê Trọng T và bà Hoàng Thị H nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải

quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trọng T và bà Hoàng Thị H thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: có 04 con chung là cháu Lê Hoàng Hồng H – sinh năm 1987, Lê Hoàng Thu H – sinh năm 1991, Lê Hoàng Phương Ng – sinh năm 1996 và Lê Hoàng Ph – sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Trọng T và bà Hoàng Thị H mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trọng T và bà Hoàng Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông T và bà H có 04 con chung là cháu Lê Hoàng Hồng Hạnh – sinh năm 1987, Lê Hoàng Thu Hà – sinh năm 1991, Lê Hoàng Phương Nguyên – sinh năm 1996 và Lê Hoàng Phúc – sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Ông Lê Trọng T và bà Hoàng Thị H mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông T, bà H đã nộp là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008611 và số 0008610 cùng ngày 24/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Ông T và bà H đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Thi hành án;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phan Thị Thu Thương